

VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM GIÁO DỤC MỞ KHI TRIỂN KHAI ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC THEO HÌNH THỨC VỪA HỌC VỪA LÀM TẠI ĐỊA PHƯƠNG

○ ThS. VŨ DUY HIỀN*

1. Về quy mô đào tạo đại học (ĐTĐH) vừa học vừa làm (VLVH) tại địa phương theo quan điểm giáo dục mở

Mặc dù quy mô giáo dục đại học (GDĐH) ở nước ta gia tăng mạnh trong những năm gần đây, nhưng so với một số quốc gia trên thế giới Việt Nam đang có tỉ lệ SV/1 vạn dân thấp, chỉ khoảng 190 đối với mọi loại hình ĐTĐH khác nhau, trong khi đó tỉ lệ này ở Mĩ là 570, Hàn Quốc: 670, Chi Lê: 400, Thái Lan: 374, Pháp 355,... (1). Tính chung, ở các nước phát triển tỉ lệ này là trên 450, ở các nước phát triển trung bình từ 300 đến trên 400. Như vậy, tỉ lệ SV/dân số của ta còn thấp, chỉ bằng khoảng 1/3 các nước tiên tiến, 1/2 các nước trung bình(2).

Trong khi GDĐH của nhiều nước phát triển, đang phát triển trên thế giới và ở khu vực đã có những thay đổi hoàn toàn về chất, chuyển từ nền GDĐH «tinh hoa» sang nền GDĐH «đại chúng» thì GDĐH Việt Nam vẫn đang được coi là giáo dục tinh hoa, dành cho số ít người. ĐTĐH chính quy tập trung mới chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu học ĐH của thanh niên trong độ tuổi (tuyển sinh ĐH dưới 15%).

Tuy quy mô ĐTĐH ở nước ta gia tăng mạnh trong những năm qua, nhưng con số đó vẫn chưa là quá lớn nếu chúng ta muốn CNH, HĐH. Do vậy, mở rộng quy mô ĐTĐH vẫn đang là một đòi hỏi tất yếu khách quan, phù hợp với quy luật cung cầu, phù hợp với tinh thần Nghị quyết 14/2005/NQ-CP đã đề ra là «Mở rộng quy mô ĐT, đạt tỉ lệ 200SV/1 vạn dân vào năm 2010 và 450 SV/1 vạn dân vào năm 2020...». Càng không thể không đáp ứng nhu cầu học ĐH của nhân dân trong điều kiện kinh tế tăng trưởng, mức sống nâng cao và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ ngày càng đòi hỏi lực lượng lao động phải có hàm lượng chất xám cao, có kĩ năng, trí tuệ và tri thức.

Để mở rộng quy mô ĐTĐH, theo chúng tôi, có 2 cách sau đây: 1) Tăng tỉ lệ chi ngân sách nhà nước hàng năm cho các trường ĐH để phát triển,

mở rộng ĐTĐH chính quy tập trung nhằm thu nhận nhiều hơn nữa thanh niên trong độ tuổi nhà trường, có nhu cầu được tham gia HT; 2) Tìm kiếm các loại hình, hình thức ĐT, phương thức học khác nhằm thoả mãn nhu cầu học ĐH của người lao động, những người không còn trong độ tuổi, đang ở ngoài hệ thống giáo dục nhà trường, giúp họ có được khả năng lựa chọn các loại hình, hình thức HT, phương thức học khác nhau phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mình trong các thời kì khác nhau của cuộc đời. ĐTĐH VLVH là một trong những lời giải cho vấn đề nêu trên.

ĐTĐH VLVH được triển khai ở Việt Nam từ đầu những năm 60 của thế kỉ 20 cho đến nay, tại các trường ĐH truyền thống và ở nhiều địa phương trong cả nước, thông qua hệ thống giáo dục thường xuyên (GDTX), mà nòng cốt là các Trung tâm GDTX cấp tỉnh. Theo quy định của Bộ GD-ĐT, hình thức ĐT VLVH có thể tổ chức theo các lớp đặt tại nhà trường hoặc thông qua các lớp đặt tại địa phương (3). Điều này cũng hoàn toàn phù hợp với chính sách và mục tiêu của ĐTĐH VLVH là đưa lớp học về với người học, tạo điều kiện cho những người không có điều kiện theo học ở các trường, lớp ĐH chính quy vừa đi làm vừa đi học. Mở rộng ĐTĐH VLVH và tổ chức các lớp ĐT tại địa phương là một chủ trương đúng của Đảng và Nhà nước ta về phát triển GDĐH không chính quy (KCQ), hoàn toàn phù hợp với quan điểm «GDĐH cho tất cả mọi người» đã được Hội nghị thế giới năm 1998 về GDĐH cho thế kỉ 21 ra tuyên bố kêu gọi.

Trong thời gian qua, ĐTĐH VLVH được triển khai mạnh tại địa phương, góp phần đáng kể vào việc ĐT nguồn nhân lực trình độ ĐH cho phát triển KT-XH, tạo ra nhiều cơ hội cho các tầng lớp nhân dân tham gia HT. Với yếu tố «mở» ở khâu tổ chức ĐT mềm dẻo nhằm tạo cơ hội tốt nhất cho mọi người, đặc biệt là cho đối tượng người

* Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh Hải Dương

lớn đang đi làm có thể tìm thấy một hình thức HT phù hợp với khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của mình; với ưu thế là tổ chức ĐT tại chỗ nguồn nhân lực trình độ DH cho mọi thành phần kinh tế, đặc biệt là đối với các vùng sâu, vùng xa; do vậy, ĐTĐH VLVH vẫn đang là sự lựa chọn ưu tiên của nhiều địa phương trong cả nước cho công tác ĐT nguồn nhân lực.

Theo số liệu thống kê báo cáo về Bộ GD-ĐT đầu năm 2007, số SV tham gia ĐT KCQ chủ yếu ở trình độ DH (chiếm 89,29%), ở trình độ CĐ chỉ chiếm 13,71%. Các trường DH, CĐ đặt lớp ĐT KCQ chủ yếu tại địa phương (chiếm 62,98%), tại cơ sở ĐT: 37,05%. ĐT KCQ chủ yếu được triển khai theo hình thức VLVH, chiếm 75,35% (4).

Theo chúng tôi, để tăng quy mô ĐTĐH VLVH, thực hiện tốt quan điểm giáo dục mở, đáp ứng nhu cầu HT của mọi người trong xã hội hiện đại, khi triển khai ĐTĐH VLVH tại địa phương, muốn thu hút đông đảo số lượng người lao động có nhu cầu tham gia HT, cần phải *đa dạng hoá hơn nữa các phương thức học*, giúp cho người muốn học có thể lựa chọn được phương thức học phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình nhất.

Đặc điểm chung của đối tượng tham gia VHL là những người lớn, không còn trong độ tuổi nhà trường, đa phần đang tham gia công tác, lao động, sản xuất... ở mọi thành phần kinh tế. Có thể phân họ thành ba nhóm đối tượng chủ yếu sau: - *Nhóm đối tượng 1*: ĐT theo nhu cầu của các cơ quan, đơn vị. Học viên (HV) là cán bộ, công nhân, viên chức thuộc các tổ chức kinh tế, xã hội có nhu cầu ĐT để chuẩn hoá cán bộ. Sau khi học xong, họ trở về cơ quan, đơn vị cũ làm việc hoặc được bổ nhiệm nhận một vị trí làm việc mới. ĐT gắn liền với sử dụng; - *Nhóm đối tượng 2*: HT theo nhu cầu, nguyện vọng của cá nhân người học. Phần lớn đối tượng này vừa đi làm, vừa tự nguyện tham gia HT nhằm chuyển đổi nghề nghiệp khi có cơ hội. Do không được cơ quan, đơn vị nơi làm việc tạo điều kiện về thời gian HT, kinh phí ĐT nên HV phải lựa chọn phương thức học phù hợp với tính chất công việc, điều kiện và hoàn cảnh riêng của mình; - *Nhóm đối tượng 3*: HS tốt nghiệp THPT, bổ túc THPT, không thi đỗ vào CĐ, ĐH chính quy, chưa có việc làm ổn định, kinh phí ĐT phụ thuộc gia đình, không gặp khó khăn về thời gian học.

Với các đặc điểm khác nhau nêu trên của các nhóm đối tượng học, cần phải có cách ứng xử phù hợp mới giúp HV các lớp ĐTĐH VLVH tại địa

phương giải quyết tốt mối quan hệ «thời gian» với «việc tiếp thu kiến thức». Muốn vậy, trong quá trình triển khai các lớp ĐTĐH VLVH tại địa phương, trường DH và cơ sở liên kết ĐT địa phương cần phải coi trọng cách tiếp cận lấy HV là trung tâm, điều tra nguyện vọng HT của HV phù hợp với thời gian cho phép của họ, đưa ra nhiều phương thức học khác nhau để họ lựa chọn. Theo chúng tôi, tùy theo tình hình, hoàn cảnh, đặc điểm của đối tượng học, điều kiện địa lí, sự phát triển KT-XH của từng vùng, từng địa phương và các điều kiện cho phép của mỗi trường DH mà định ra các phương thức học đa dạng, mềm dẻo khác nhau cho phù hợp với các nhóm đối tượng học của hình thức ĐT này. Dưới đây, chúng tôi đề xuất *một số phương thức học* có thể áp dụng cho ĐTĐH VLVH tổ chức tại địa phương như sau:

1) Các phương thức học trong giờ hành chính (phù hợp với nhóm đối tượng 1 và 3)

a) Học cố định lịch học hàng tuần (mỗi tuần học từ 2-3 buổi). Phương thức học này phù hợp và thuận tiện cho những HV có công việc làm tính tại và sống ở gần trung tâm HT, tạo cơ hội thuận lợi cho HV duy trì việc HT và công tác một cách liên tục, kết quả HT và kết quả công tác đều đạt được mong muốn. Hạn chế của phương thức học này là số lượng HV tham gia HT ở phạm vi hẹp, HV làm việc và sống ở xa Trung tâm HT, HV có công việc làm lưu động sẽ gặp khó khăn nếu tham gia HT ở phương thức học này. Giảng viên phải đi, về nhiều lần cho mỗi môn học.

b) Học cố định lịch học hàng tháng (tập trung học mỗi tháng: 5 ngày, một tuần, 10 ngày cố định theo lịch). Phương thức học này giúp người học, cơ quan, đơn vị cử người đi học chủ động bố trí việc làm dứt điểm và HT cũng dứt điểm theo kế hoạch thời gian đã định trước, phạm vi người theo học có thể rộng hơn.

c) Học hai tháng định kì tập trung từ 10-15 ngày. HV chủ động được thời gian công tác, lao động và thời gian HT, giúp HV khắc phục được tính thời vụ trong công tác, sản xuất ở một mức độ nhất định. Giảng viên không phải đi, về nhiều lần, quá trình nhận thức của HV liên tục.

d) Học định kì tập trung hàng năm (mỗi năm có hai định kì tập trung, mỗi định kì tập trung từ 2-2,5 tháng theo năm học). Mỗi kì tập trung thì hết các môn của học kì cũ, giới thiệu các môn học mới của kì học sau, thực hiện đầy đủ các quy định, quy chế về tự học, làm bài tập, tham quan,

khảo sát, tiểu luận, đồ án,... với người học. Có thể tổ chức một định kỳ tập trung phù đạo giữa hai kỳ tập trung. Phương thức học này giúp HV chủ động bố trí việc làm, để dành khối lượng thời gian tương đối, liên tục để HT dứt điểm, giúp trường ĐH ổn định được chương trình dạy học và HT theo học kỳ và thuận lợi khi bố trí giảng viên. Với phương thức học này cần tính đến thời gian tập trung hợp lý để tránh được thời vụ sản xuất, công tác của số đông HV.

2) Các phương thức học ngoài giờ hành chính (phù hợp với nhóm đối tượng 2)

a) Học vào các buổi tối trong tuần (trừ tối thứ bảy và tối chủ nhật) liên tục trong suốt cả thời gian DT. Phương thức học này tạo thuận lợi những HV bận rộn sản xuất, công tác, lao động,... không có điều kiện rời bỏ vị trí lao động của mình trong giờ làm việc. Người học được tiếp xúc thường xuyên với giảng viên nên việc nhận thức môn học, chương trình học một cách liên tục; tạo khả năng nhận thức liên tục, thuận lợi khi tiếp thu bài giảng, bài tập, thảo luận, thí nghiệm,... Phương thức học này không phù hợp với những HV có việc làm lưu động, sống và làm việc ở xa trung tâm HT, với các điều kiện giao thông không thuận lợi.

b) Học vào tối thứ sáu, ngày thứ bảy - chủ nhật hàng tuần. Phương thức học này thuận lợi cho những HV sống gần trung tâm HT, có công việc làm ổn định, tĩnh tại và cho cả những HV có việc làm lưu động, sống xa trung tâm HT, điều kiện giao thông không thuận lợi. Tuy nhiên, quá trình nhận thức của HV sẽ không được liên tục, giảng viên phải đi, về nhiều lần cho một môn học...

Mở rộng quy mô ĐTDH VLVH tại địa phương, DT theo nhu cầu xã hội là thể hiện cái nhìn toàn diện, đúng đắn theo quan điểm của giáo dục mở. Tuy nhiên, như vậy không có nghĩa là mở rộng tất cả các cửa một cách vô điều kiện, nhất là cánh cửa vào học ĐH. Mở rộng quy mô ĐTDH VLVH tại địa phương như thế nào cho hợp lý, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tiễn của nước ta hiện nay và tình hình KT-XH cụ thể của từng địa phương cần được xem xét ở nhiều góc độ và trong mối tương quan của các chỉ số liên quan như: thu nhập bình quân đầu người, số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị... Xin lấy nước Mĩ để so sánh: Tỷ lệ SV/1 vạn dân là 570, thu nhập bình quân đầu người năm 2008 khoảng trên 45.000 USD, gấp khoảng 45 lần Việt Nam (1.000 USD/người/năm).

Nghịch lý hiện nay là không ít trường ĐH cùng với cơ sở liên kết DT địa phương mở lớp ĐTDH VLVH vì lợi nhuận, thương mại hoá giáo dục, coi ĐTDH VLVH là lĩnh vực đem lại nhiều lợi nhuận, không quan tâm đến chất lượng DT. Một số người còn cho rằng, tăng trưởng «nóng» của quy mô ĐTDH VLVH không có gì đáng lo ngại, bởi vì số lượng người được học ĐH tăng thì cho dù họ không xin được việc làm thì cũng góp phần nâng cao dân trí, nguy hiểm việc phát triển quy mô ĐTDH VLVH là «vì người học». Phát triển ĐTDH VLVH một cách tràn lan và chất lượng thấp sẽ gây ra nhiều hậu quả lớn đối với nền KT-XH, lãng phí lớn về tài chính, nhân lực để phát triển kinh tế. Chất lượng ĐTDH VLVH kém sẽ dẫn đến thiếu hụt đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, thiếu hụt đội ngũ tri thức có trình độ cao, làm gia tăng tình trạng thất nghiệp. Nếu xiết chặt tuyển sinh ĐTDH VLVH thì những HS tốt nghiệp THPT, không thi đỗ vào CD, ĐH chính quy, với học lực trung bình trở xuống sẽ hướng đến các trường trung cấp, DT nghề, còn giảng đường ĐH chỉ thực sự dành cho những người có khả năng thực sự.

2. Về chất lượng ĐTDH VLVH tại địa phương

Mặc dù đã được hình thành và phát triển khá lâu, được xã hội hưởng ứng và chấp nhận như một hình thức DT của phương thức giáo dục KCQ trong hệ thống GDĐH, một kênh quan trọng để cung cấp nguồn nhân lực trình độ ĐH cho phát triển KT-XH, nhưng do có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, đặc biệt là do phát triển quá nhanh, quá «nóng», lại chưa được quan tâm và đầu tư thoả đáng, cho nên chất lượng và hiệu quả ĐTDH VLVH nói chung còn thấp, còn nhiều tồn tại và yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, công cuộc phát triển KT-XH của địa phương, đặc biệt trong điều kiện nền kinh tế nước ta đang hội nhập với kinh tế thế giới.

Trong quãng thời gian dài, ĐTDH VLVH được triển khai «không giống ai», nếu nói ĐTDH VLVH được triển khai theo mô hình DT từ xa cũng không đúng, còn nói ĐTDH VLVH được triển khai, theo mô hình ĐTDH truyền thống cũng chưa phải vì kế hoạch HT «không chặt chẽ». Sự yếu kém và buông lỏng của công tác quản lý, năng lực yếu của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý DT, các điều kiện đảm bảo chất lượng DT như cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ DT,... không tương xứng với việc mở rộng quy mô DT, các tiêu cực do yếu tố xã hội

gây nên trong quá trình ĐT không được phát hiện và xử lý kịp thời, sự nhận thức chưa đúng đắn về vai trò và tầm quan trọng của hình thức ĐT này,... là những nguyên nhân dẫn đến chất lượng ĐT chung của bộ phận này chưa đảm bảo, chưa nhận được sự tin tưởng của người sử dụng và xã hội.

Do vậy, bên cạnh việc tìm cách không ngừng gia tăng quy mô, vấn đề bảo đảm chất lượng cho ĐTDH VLVH lại luôn được đặt ra. Làm cách nào để vừa có thể đáp ứng được nhu cầu ĐT của xã hội, nhu cầu học ĐH của người lao động, vừa đảm bảo được chất lượng ĐT nguồn nhân lực trình độ ĐH cho phát triển KT-XH trong thời kỳ CNH, HĐH, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa yêu cầu vừa phát triển quy mô, vừa đảm bảo chất lượng ĐT, tìm lời giải hợp lý và khả thi cho bài toán: quy mô - chất lượng - hiệu quả ĐT trong điều kiện KT-XH hiện hữu của đất nước ta?

Vận dụng quan điểm giáo dục mở khi triển khai ĐTDH VLVH tại địa phương, ngoài việc tăng quy mô cần quan tâm tới việc đảm bảo chất lượng ĐT. Triển khai ĐTDH VLVH tại địa phương nhằm mục tiêu mở rộng quy mô ĐT tới mức tối đa, đáp ứng mọi nhu cầu học ĐH của người lao động, nhưng phải đảm bảo chất lượng phù hợp với trình độ chuẩn của bậc học. Thực tế theo quy định, đối với ĐTDH VLVH, tất cả các yêu cầu từ tiêu chuẩn dự tuyển, tuyển sinh, chương trình ĐT, giảng viên, quản lý ĐT, học hành, thực tập, tích lũy môn học, thi, kiểm tra, xét tốt nghiệp, tốt nghiệp, cấp bằng... đều hoàn toàn giống như ĐTDH chính quy tập trung. Như vậy, ĐTDH VLVH về bản chất là ĐTDH chính quy tập trung. Chỉ có hai điểm khác biệt duy nhất giữa ĐTDH chính quy và ĐTDH VLVH này nằm ở **đối tượng học** và **hình thức tổ chức ĐT**.

Cần phải xem xét hình thức tổ chức ĐT. Về nguyên tắc, hình thức tổ chức ĐT không phản ánh chất lượng ĐT. Tổ chức ĐTDH VLVH với các phương thức học đa dạng đã nêu trên chỉ nhằm mục đích giúp HV giải quyết mâu thuẫn «thời gian» với việc «tiếp thu kiến thức», không vì thế mà xem nhẹ chất lượng của hình thức ĐT này. Chất lượng học thể hiện ở kết quả học và khả năng làm việc sau này của người tốt nghiệp, mà điều đó phụ thuộc vào sự chuẩn bị và cách tổ chức ĐT của từng trường ĐH. Việc tổ chức ĐT theo thời gian nào, hình thức nào nên để cho các trường ĐH và các cơ sở liên kết ĐT địa phương tự quyết định. Tùy theo hình thức tổ chức ĐT, phương thức học mà có cách quản lý ĐT cho phù hợp. Bộ

GD-ĐT chỉ nên kiểm tra việc các trường ĐH phối hợp với các cơ sở liên kết ĐT địa phương tổ chức thực hiện ĐT có đảm bảo chất lượng theo yêu cầu đặt ra hay không, khuyến khích họ cố gắng ĐT đáp ứng nhu cầu xã hội, nhưng cần phải khuyến khích người học đạt được năng lực thật, phục vụ cho xã hội và có thu nhập cho mình chứ không khuyến khích học chỉ vì bằng cấp với các danh hiệu cử nhân, kĩ sư. Người học có kĩ năng hành nghề, người sử dụng có hiệu quả và đất nước không lãng phí tài nguyên về con người.

Xem xét về chương trình ĐT: Chương trình ĐTDH (nói theo văn bằng, không ám chỉ về nhóm ngành hay ngành ĐT) chỉ có một. Chỉ có một loại chương trình mà trong từng ngành có khung chương trình và tổng số tín chỉ tích lũy là như nhau cho tất cả những ai muốn học ĐH. Hiện nay, vẫn chưa có chương trình ĐT dành riêng cho SV ĐTDH chính quy (dành toàn bộ thời gian cho việc học) và chương trình ĐT dành riêng cho HV ĐTDH VLVH (dành một phần thời gian cho việc học). Do vậy, với một chương trình ĐT chung thì chỉ có một chuẩn chất lượng cho một trình độ ĐT. Đảm bảo chất lượng là yêu cầu bắt buộc đối với bất kì hình thức ĐT nào. Đúng ra, để tránh nhầm lẫn phải gọi ĐTDH chính quy hiện nay là ĐTDH tập trung toàn thời gian, còn ĐTDH VLVH là ĐTDH tập trung một phần thời gian.

Như vậy, về chuẩn chất lượng, ĐTDH VLVH bắt buộc phải dựa vào chuẩn mực của ĐTDH chính quy tập trung để so sánh về chất lượng. Dù HT dưới hình thức nào, theo loại hình nào và đối tượng là ai, ở mỗi cấp bậc học chỉ có một loại văn bằng với chất lượng như nhau. Điều này đã được quy định tại Điều 44 Nghị định của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng chứng chỉ về giáo dục ĐT của nước CHXHCN Việt Nam (Số 90/CP, Hà Nội, 24/11/1993): «Khi đạt đầy đủ những yêu cầu về một văn bằng hoặc chứng chỉ quy định tại Điều 3, thì người học (trong GDTX) được cấp văn bằng và chứng chỉ đó». Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định 90/CP của Bộ GD-ĐT cũng ghi rõ: «Ở hệ thống GDTX, cũng có thể đạt được văn bằng, chứng chỉ của hệ tập trung, nếu tích lũy đủ những kết quả đáp ứng yêu cầu của hệ tập trung». Đây là một điều khoản rất quan trọng, khẳng định ở mỗi cấp học, bậc học chỉ có một văn bằng dựa trên những yêu cầu của

(Xem tiếp trang 39)

Xét dưới góc độ kết cấu, đoạn văn có thể được phân ra thành: đoạn văn có kết cấu chuỗi và đoạn văn có kết cấu song hành.

Kết cấu ở đây được hiểu là cách thức tổ chức các yếu tố nội dung (sự kiện, hiện tượng, luận điểm...) theo một kiểu mô hình nhất định. Kết cấu không phải chỉ đơn thuần là sự sắp xếp vị trí các yếu tố của nội dung mà còn là việc tổ chức nghĩa của văn bản, của đoạn văn dựa trên mạng lưới các mối quan hệ logic của các yếu tố nội dung.

Đoạn văn có kết cấu chuỗi là đoạn văn trong đó các yếu tố nội dung được thể hiện nối tiếp nhau liên tục, yếu tố trước tạo tiền đề cho sự xuất hiện của yếu tố sau, yếu tố sau tạo tiền đề cho sự xuất hiện của yếu tố sau nữa và cứ thế liên tục cho tới hết đoạn văn. Ở đây, các yếu tố được xâu chuỗi với nhau, nội dung được triển khai dường như theo một đường thẳng, và nhờ vậy đoạn văn đã tạo được sự thống nhất nghĩa và logic. **Đoạn văn có kết cấu song hành** là đoạn văn trong đó các yếu tố nội dung được thể hiện trong sự đối chiếu, phát triển song song với nhau. Các yếu tố nội dung thuộc đoạn văn ở kiểu kết cấu này không có sự móc nối, lồng chéo nhau như kiểu kết cấu chuỗi.

Phần kết thúc có thể kết thúc theo hai cách chính: + Kết thúc khép là kết thúc theo kiểu tóm tắt lại, hệ thống hoá lại những vấn đề đã được trình bày trong phần triển khai của văn bản. Thông thường, đối với văn bản có dung lượng lớn, người đọc khó nhớ hết nội dung trình bày, loại kết thúc khép thường được sử dụng; + Kết thúc mở là kết thúc theo kiểu dựa vào những nội dung đã được trình bày ở phần phát triển, người viết đưa ra những liên tưởng, những cảm nghĩ, những đề xuất mới. Trong việc rèn luyện KN LV cho HS, GV nên luyện cho HS kết thúc bài bản của mình theo cả hai cách này. □

Tài liệu tham khảo

1. Lê A - Nguyễn Quang Ninh - Bùi Minh Toán. **Phương pháp dạy học tiếng Việt**. NXB Giáo dục, H.1996.
2. Nguyễn Trọng Báu - Nguyễn Quang Ninh - Trần Ngọc Thêm. **Ngữ pháp văn bản và việc dạy làm văn**. NXB Giáo dục, H.1985.
3. Trần Đình Sử (chủ biên). Một số vấn đề lí luận và phương pháp trong sách Làm văn 12 CCGD (Tài liệu bồi dưỡng giáo viên THPT), Trường Đại học sư phạm Hà Nội I. 1992.

Vận dụng quan điểm...

(Tiếp theo trang 8)

các chương trình ĐT tập trung chính quy, dù là học theo hình thức tập trung hay không tập trung, chỉ cấp một loại văn bằng tốt nghiệp ĐH như đã nêu ở Điều 3 của Nghị định 90/CP. Điều này cũng được tái khẳng định tại Khoản 2, Điều 43 Luật Giáo dục 2005 «SV học hết chương trình ĐH, có đủ điều kiện thi được dự thi hoặc bảo vệ đồ án, khoá luận tốt nghiệp và nếu đạt yêu cầu theo quy định của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT thì được hiệu trưởng trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp» (6). Đây cũng là một yêu cầu nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng ĐTDH VLVH triển khai tại địa phương hiện nay, dần dần tiến tới ngang bằng với yêu cầu chất lượng văn bằng của ĐTDH chính quy tập trung.

3. Nếu cứ mở rộng quy mô ĐTDH VLVH mà không có những giải pháp đảm bảo chất lượng thì sẽ gây rất nhiều hậu quả, sẽ tạo ra một đội ngũ đông đảo những người làng nhàng «thầy không ra thầy, thợ chẳng ra thợ». Giải pháp «ba công khai»: *cam kết chất lượng ĐT từ phía trường ĐH; nguồn lực cơ sở vật chất, số lượng, chất lượng đội ngũ giảng viên; thu chi tài chính* mà Phó Thủ tướng - Bộ trưởng Nguyễn Thiện Nhân đã đề xuất gần đây, nếu được triển khai một cách toàn diện, đồng bộ sẽ góp phần cải thiện tình hình số lượng tăng, chất lượng giảm của GDĐH nói chung, ĐTDH VLVH triển khai tại địa phương nói riêng. □

(1) «Loạn» đại học có đáng lo ngại? Báo Dân trí ngày 22/1/2009.

(2) Phê phán phải dựa trên sự hiểu biết. Nguồn: <http://www.cand.com.vn/News/Printview.aspx?ID=75609>

(3) Trần Hồng Quân. «Các vấn đề về xã hội học tập». Báo Nhân dân ngày 31/7/2004.

(4) Bộ GD-ĐT. Tài liệu Hội nghị tổng kết công tác đào tạo không chính quy (giai đoạn 2003-2007), Hà Nội 2/2007.

(5) Nghị định số 90/CP ngày 24/11/1993 của Chính phủ quy định cơ cấu khung của hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống văn bằng chứng chỉ về giáo dục - đào tạo của nước CHXHCN Việt Nam.

(6) Luật Giáo dục 2005.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định 62/2008/QĐ-BGD&ĐT về tuyển sinh đào tạo hình thức vừa học vừa làm.
2. Đặng Xuân Hải «Mối quan hệ «cân bằng động» giữa giáo dục - đào tạo với kinh tế - xã hội và việc đổi mới mục tiêu, nội dung, chương trình của các trường đại học hiện nay». Tạp chí Giáo dục số 21 (1/2002), tr 9-10.